

Số: **3781**/LĐTBXH-KHTC

Hà Nội, ngày **07** tháng **9** năm 2017

V/v xử lý kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng cuối năm 2016

Kính gửi:

- Cục Người có công;
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Công văn số 11334/BTC-HCSN ngày 24/8/2017 của Bộ Tài chính về việc chuyển số dư kinh phí năm 2016 sang năm 2017 sử dụng và quyết toán của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ có ý kiến như sau:

1. Số dư kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng năm 2016 chuyển sang năm 2017 để sử dụng và quyết toán của 25 Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Cục Người có công là 183.537.255.008đ (gồm: Số dư dự toán 129.672.670.304đ, số dư tạm ứng 53.864.584.704đ (chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm).

2. Thu hồi số dư tạm ứng và hủy số dư dự toán năm 2016 của 04 Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Cục Người có công số tiền 4.874.000.000đ (gồm: Số dư dự toán 3.530.000.000đ, số dư tạm ứng 1.344.000.000đ). (chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm).

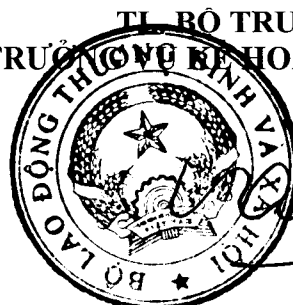
3. Ngoài số kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng được chuyển sang năm 2017 sử dụng và quyết toán nêu tại điểm 1, 2 của Công văn này, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, nộp trả ngân sách Nhà nước số dư kinh phí tạm ứng đã hết nhiệm vụ chi và làm thủ tục hủy số dư dự toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công cuối năm 2016 tại Kho bạc Nhà nước theo quy định không được chuyển sang năm 2017.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo để đơn vị biết, quản lý, sử dụng kinh phí và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đơn vị phản ánh về Bộ (Vụ Kế hoạch – Tài chính) để hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH**



Phạm Quang Phụng

PHỤ LỤC 01
CHUYÊN SỔ DỰ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG NĂM 2016 SANG NĂM 2017
 (Kèm theo công văn số **3781**/LĐTBXH-KHTC ngày **07/9** /2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

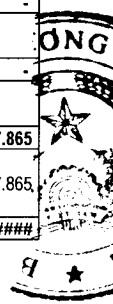
Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Tổng cộng	Dự dự toán						Dự tạm ứng					
			Tổng số dự dự toán	Kinh phí thực hiện công tác mộ, nghĩa trang liệt sĩ	Kinh phí chi hỗ trợ hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng người có công	Kinh phí trợ cấp hàng tháng, một lần, trợ cấp khác	Kinh phí chi quản lý kinh phí thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công	Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo Quyết định 150	Tổng số dự tạm ứng	Kinh phí thực hiện công tác mộ, nghĩa trang liệt sĩ	Kinh phí chi hỗ trợ hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng người có công	Kinh phí trợ cấp hàng tháng, một lần, trợ cấp khác	Kinh phí chi quản lý kinh phí thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công	Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo Quyết định 150
A	B	1=2+8	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12+13	9	10	11	12	13
1	Cần Thơ	368.716.732	368.716.732	368.716.732	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Nghĩa trang liệt sĩ thành phố Cần Thơ	239.745.322	239.745.322	239.745.322										
1.2	Nghĩa trang liệt sĩ Long Tuyền, Quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	128.971.410	128.971.410	128.971.410										
2	Đà Nẵng	1.342.250.000	1.342.250.000	1.342.250.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Nghĩa trang liệt sỹ phường Hòa Hiệp Nam - Quận Liên Chiểu	1.342.250.000	1.342.250.000	1.342.250.000										
3	Hậu Giang	125.320.927	125.320.927	125.320.927	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Đền thờ liệt sĩ huyện Long Mỹ	125.320.927	125.320.927	125.320.927										
4	Khánh Hòa	4.600.239.217	196.290.217	123.790.217	9.500.000	-	63.000.000	-	4.403.949.000	4.376.949.000	-	-	27.000.000	-
4.1	Đền thờ liệt sĩ tại Nghĩa trang liệt sĩ Hòn Dung	4.500.739.217	123.790.217	123.790.217					4.376.949.000	4.376.949.000				
4.2	Xây dựng phần mềm quản lý công trình ghi công liệt sĩ	90.000.000	63.000.000				63.000.000		27.000.000				27.000.000	
4.3	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm điều dưỡng người có công	9.500.000	9.500.000		9.500.000									
5	Kon Tum	401.497.906	243.845.000	243.845.000	-	-	-	-	157.652.906	-	-	157.652.906	-	-
5.1	Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Kon Tum	235.295.000	235.295.000	235.295.000										
5.2	Công trình nghĩa trang liệt sĩ huyện Kon Rẫy	6.650.000	6.650.000	6.650.000										
5.3	Nhà bia tưởng niệm liệt sĩ huyện Kon Rẫy	1.900.000	1.900.000	1.900.000										
5.4	Tạm ứng phải thu các nhà thầu và cá nhân	157.652.906	-						157.652.906			157.652.906		
6	Thái Bình	103.163.000	103.163.000	-	-	-	103.163.000	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Chi quản lý kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	103.163.000	103.163.000				103.163.000							
7	Tiền Giang	75.400.000	75.400.000	75.400.000	0	0	0	0	0	0	0	-	0	0
7.1	Chi thẩm định quyết toán công trình nghĩa trang liệt sĩ	75.400.000	75.400.000	75.400.000										
8	Thành phố Hồ Chí Minh	205.000.000	-	-	-	-	-	-	205.000.000	-	-	205.000.000	-	-
8.1	Kinh phí chi thờ cúng liệt sĩ	26.360.000	-						26.360.000			26.360.000		
8.2	Trợ cấp một lần Bà mẹ Việt Nam anh hùng	178.640.000	-						178.640.000			178.640.000		
9	Bến Tre	1.916.075.854	-	-	-	-	-	-	1.916.075.854	-	1.916.075.854	-	-	-
9.1	Kinh phí nâng cấp, sửa chữa trung tâm điều dưỡng người có công	1.916.075.854	-						1.916.075.854		1.916.075.854			
10	Hà Giang	10.760.000.000	-	-	-	-	-	-	10.760.000.000	10.760.000.000	-	-	-	-

Số TT	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Tổng cộng	Dự toán						Dự tạm ứng					
			Tổng số dự toán	Kinh phí thực hiện công tác mộ, nghĩa trang liệt sĩ	Kinh phí chi hỗ trợ hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng người có công	Kinh phí trợ cấp hàng tháng, một lần, trợ cấp khác	Kinh phí chi quản lý kinh phí thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công	Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo Quyết định 150	Tổng số dự tạm ứng	Kinh phí thực hiện công tác mộ, nghĩa trang liệt sĩ	Kinh phí chi hỗ trợ hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng người có công	Kinh phí trợ cấp hàng tháng, một lần, trợ cấp khác	Kinh phí chi quản lý kinh phí thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công	Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo Quyết định 150
A	B	1=2+8	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12+13	9	10	11	12	13
10.1	Nghĩa trang liệt sĩ thành phố Hà Giang	5.710.000.000	-						5.710.000.000	5.710.000.000			-	
10.2	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Bắc Quang	5.050.000.000	-						5.050.000.000	5.050.000.000			-	
11	Đắk Nông	581.504.000	81.504.000	81.504.000	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000			-	-
11.1	Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh	18.000.000	18.000.000	18.000.000					-	-			-	-
11.2	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Krông Nô	63.504.000	63.504.000	63.504.000					-	-			-	-
11.3	Đền thờ các anh hùng liệt sĩ hy sinh ở thôn Boong Kinh xã Năm N'Jang	500.000.000	-						500.000.000	500.000.000			-	-
12	Điện Biên	47.893.500	47.893.500	30.895.000	16.998.500	-	-	-	-	-			-	-
12.1	Nghĩa trang liệt sĩ Độc Lập	7.543.000	7.543.000	7.543.000					-	-			-	-
12.2	Nghĩa trang liệt sĩ Tổng Khao	23.352.000	23.352.000	23.352.000					-	-			-	-
12.3	Kinh phí thẩm định quyết toán dự án mua sắm, sửa chữa Trung tâm Tiếp đón thân nhân liệt sĩ và điều dưỡng người có công với cách mạng tỉnh Điện Biên	16.998.500	16.998.500		16.998.500				-	-			-	-
13	Đồng Tháp	1.999.547.037	-	-	-	-	-	-	1.999.547.037	1.999.547.037			-	-
13.1	Nghĩa trang liệt sĩ xã Phú Điền, huyện Tháp Mười	67.329.000	-						67.329.000	67.329.000			-	-
13.2	Nghĩa trang liệt sĩ xã Thường Phước 2, huyện Hồng Ngự	76.220.000	-						76.220.000	76.220.000			-	-
13.3	Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đồng Tháp	1.176.534.000	-						1.176.534.000	1.176.534.000			-	-
13.4	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Tháp Mười	175.160.000	-						175.160.000	175.160.000			-	-
13.5	Kinh phí chi quản lý kinh phí thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công	39.804.037	-						39.804.037	39.804.037			-	-
13.6	Kinh phí chi các khoản trợ cấp chính sách	464.500.000	-						464.500.000	464.500.000			-	-
14	Lai Châu	1.118.802.000	12.950.000	12.950.000	-	-	-	-	1.105.852.000	1.105.852.000			-	-
14.1	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Năm Nhùn	1.118.802.000	12.950.000	12.950.000					1.105.852.000	1.105.852.000			-	-
15	Ninh Bình	106.784.000	106.784.000	-	-	105.440.000	1.344.000	-	-	-			-	-
15.1	Trợ cấp một lần Bà mẹ Việt Nam anh hùng	105.440.000	105.440.000			105.440.000			-	-			-	-
15.2	Chi quản lý kinh phí (của phần trợ cấp đề nghị chuyển sang năm sau)	1.344.000	1.344.000				1.344.000		-	-			-	-
16	Phú Yên	1.810.975.000	1.810.975.000	-	-	1.810.975.000	-	-	-	-			-	-
16.1	Kinh phí chi trợ cấp Bà mẹ Việt Nam anh hùng	1.810.975.000	1.810.975.000			1.810.975.000			-	-			-	-
17	Bắc Cạn	1.195.042.760	1.195.042.760	1.151.273.160	43.769.600	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17.1	Công trình cải tạo, sửa chữa các công trình ghi công liệt sĩ	1.151.273.160	1.151.273.160	1.151.273.160					-	-			-	-
17.2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm điều dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội tỉnh	43.769.600	43.769.600		43.769.600				-	-			-	-



Số TT	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Tổng cộng	Dự toán						Dự tạm ứng					
			Tổng số dự toán	Kinh phí thực hiện công tác mộ, nghĩa trang liệt sĩ	Kinh phí chi hỗ trợ hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng người có công	Kinh phí trợ cấp hàng tháng, một lần, trợ cấp khác	Kinh phí chi quản lý kinh phí thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công	Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo Quyết định 150	Tổng số dự tạm ứng	Kinh phí thực hiện công tác mộ, nghĩa trang liệt sĩ	Kinh phí chi hỗ trợ hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng người có công	Kinh phí trợ cấp hàng tháng, một lần, trợ cấp khác	Kinh phí chi quản lý kinh phí thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công	Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo Quyết định 150
A	B	1=2+8	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12+13	9	10	11	12	13
18	Bạc Liêu	4.658.199.042	1.575.000.000	1.575.000.000	0	0	0	0	3.083.199.042	2.525.915.000	0	-	557.284.042	0
18.1	Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Bạc Liêu	4.100.915.000	1.575.000.000	1.575.000.000					2.525.915.000	2.525.915.000		-		
18.2	Chi quản lý kinh phí	557.284.042	-	-					557.284.042			-	557.284.042	
19	Bắc Giang	7.298.144.000	1.078.239.000	-	-	1.078.239.000	-	-	6.219.905.000	6.219.905.000	-	-	-	-
19.1	Đài tưởng niệm liệt sĩ tỉnh Bắc Giang	4.835.922.000	-	-					4.835.922.000	4.835.922.000		-		
19.2	Đền thờ anh hùng liệt sĩ huyện Tân Yên	1.383.983.000	-	-					1.383.983.000	1.383.983.000		-		
19.3	Kinh phí điều dưỡng	792.610.000	792.610.000			792.610.000			-			-		
19.4	Kinh phí chi trợ cấp dụng cụ chỉnh hình	285.629.000	285.629.000			285.629.000			-			-		
20	Gia Lai	3.670.822.000	2.575.096.000	2.575.096.000	-	-	-	-	1.095.726.000	1.095.726.000	-	-	-	-
20.1	Nghĩa trang liệt sĩ thị xã An Khê	3.670.822.000	2.575.096.000	2.575.096.000					1.095.726.000	1.095.726.000		-		
21	Quảng Nam	552.250.000	552.250.000	0	0	7.500.000	544.750.000	0	0	0	0	-	0	0
21.1	Chi quản lý kinh phí tại Văn phòng Sở mua sắm thiết bị kho hồ sơ	173.708.000	173.708.000				173.708.000		-			-		
21.2	Chi quản lý kinh phí tại các phòng LĐTBXH	371.042.000	371.042.000				371.042.000		-			-		
21.3	Chi trợ cấp một lần theo Quyết định 62	7.500.000	7.500.000			7.500.000			-			-		
22	Thái Nguyên	3.624.400.000	24.400.000	0	0	24.400.000	0	0	3.600.000.000	0	3.600.000.000	-	0	0
22.1	Chi trợ cấp Bà mẹ Việt Nam anh hùng	24.400.000	24.400.000			24.400.000			-			-		
22.2	Chi cải tạo, sửa chữa trung tâm điều dưỡng người có công	3.600.000.000	-	-					3.600.000.000		3.600.000.000		-	
23	Bình Dương	1.018.924.971	1.018.924.971	1.018.924.971	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
23.1	Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Bình Dương	1.018.924.971	1.018.924.971	1.018.924.971					-			-		
24	Lạng Sơn	2.860.723.000	1.394.723.000	1.394.723.000	-	-	-	-	1.466.000.000	1.466.000.000	-	-	-	-
24.1	Đền thờ liệt sĩ huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	2.860.723.000	1.394.723.000	1.394.723.000					1.466.000.000	1.466.000.000		-		
25	Cục Người có công	133.095.580.062	115.743.902.197	-	-	-	-	115.743.902.197	17.351.677.865	-	-	-	-	17.351.677.865
25.1	Kinh phí thực hiện Đề án xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin	133.095.580.062	115.743.902.197					115.743.902.197	17.351.677.865					17.351.677.865
	Cộng	183.537.255.008	129.672.670.304	10.119.689.007	70.268.100	3.026.554.000	712.257.000	115.743.902.197	53.864.584.704	30.049.894.037	5.516.075.854	362.652.906	584.284.042	#####



PHỤ LỤC 02

**SỐ DƯ DỰ TOÁN, SỐ DƯ TẠM ỨNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG NĂM 2016
KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN SANG NĂM 2017 (PHẢI THU HỒI NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ HỦY BỎ)**

(Kèm theo công văn số /LĐTBXH-KHTC ngày / /2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Tổng cộng	Số dư dự toán phải hủy bỏ				Số dư tạm ứng phải thu hồi nộp ngân sách nhà nước		
			Tổng số dư dự toán phải hủy bỏ	Kinh phí thực hiện công tác mộ, nghĩa trang liệt sĩ	Kinh phí chi quản lý kinh phí thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công	Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo Quyết định 150	Tổng số dư tạm ứng phải thu hồi nộp ngân sách nhà nước	Kinh phí thực hiện công tác mộ, nghĩa trang liệt sĩ	Kinh phí chi quản lý kinh phí thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công
A	B	1=2+6	2=3+4+5	3	4	5	6=7+8	7	8
1	Hậu Giang	200.000.000	200.000.000	200.000.000	-	-	-	-	-
1.1	Nghĩa trang liệt sĩ thị xã Ngã Bảy	200.000.000	200.000.000	200.000.000			-		
2	Ninh Bình	600.000.000	-	-	-	-	600.000.000	600.000.000	-
2.1	Đền thờ liệt sĩ tỉnh Ninh Bình tại Hoa Lư	600.000.000	-	-	-	-	600.000.000	600.000.000	
3	Gia Lai	744.000.000	-	-	-	-	744.000.000	-	744.000.000
3.1	Chi quản lý kinh phí	744.000.000	-	-	-	-	744.000.000		744.000.000
4	Thanh Hóa	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	-	-	-
4.1	Kinh phí chi cho công tác quản lý sử dụng xây dựng kho lưu trữ hồ sơ người có công	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000		-		
5	Cục Người có công	1.330.000.000	1.330.000.000	-	-	1.330.000.000	-	-	-
5.1	Kinh phí thực hiện Đề án xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin	1.330.000.000	1.330.000.000			1.330.000.000	-		
	Cộng	4.874.000.000	3.530.000.000	200.000.000	2.000.000.000	1.330.000.000	1.344.000.000	600.000.000	744.000.000

